TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 254/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận 8, ngày 13 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 29, 149, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Đường H, Phường S, Quận T, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Đường H, Phường S, Quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào nội dung Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 05 tháng 4 năm 2021, các yêu cầu của đương sự được ghi nhận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo Trích lục kết hôn số 261/TLKH-BS, ngày 02/12/2020 tại Uỷ ban nhân dân PhườngB, Quận T, Thành phố H. Đến năm 2019, thì vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

[2] Về con chung: Ông T và bà H có 02 (hai) con chung tên Trương Thị Kiều O, sinh ngày 07/11/2012 và tên Trương Quốc A, sinh ngày 08/3/2010. Ông T đồng ý giao trẻ O và trẻ A cho bà H nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Tvà bà H mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng bà H tự nguyện chịu toàn bộ và được ông T đồng ý, nên Tòa án ghi nhận thoả thuận của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự. Các đương sự không có thay đổi ý kiến về các vấn đề được ghi nhận nêu trên, nên có cơ sở để Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trương Thanh T và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 02/10/2009 theo Trích lục kết hôn số 261/TLKH-BS, ngày 02/12/2020 tại Uỷ ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trương Thị Kiều O, sinh ngày 07/11/2012 và tên Trương Quốc A, sinh ngày 08/3/2010 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà H tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0044997, ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ

sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thành Trung